

Bản án số: 162/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2025

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quan T, sinh năm: 1981. CCCD số 072081003215 cấp ngày 28/6/2021 Cục Cảnh sát, QLHC &TTXH. Địa chỉ: ấp 17, khu phố Trường Đức, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị D, sinh năm: 1976. CCCD số 072176004752 cấp ngày 10/04/2021 Cục Cảnh sát, QLHC &TTXH. Địa chỉ: ấp Cẩm Thắng, xã Thạnh Đức, tỉnh Tây Ninh (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quan T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà D tiến đến hôn nhân vào năm 2016, đã đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, (nay là phường Long Hoa) tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, bà D không biết quan tâm cho chồng, mà thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Hiện tại bà D đã sống ở nhà cha mẹ ruột, nên vợ chồng đã ly thân thời gian đã 05 năm, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị D.

Về con chung: ông và bà D có 01 người con chung tên Trần Lâm Gia Đại, sinh ngày: 23/10/2017. Hiện tại cháu Đại đang sống chung với bà D. Khi ly hôn ông yêu cầu giao cháu Đại cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2025, bị đơn bà Lâm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông T kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành (nay là phường Long Hoa), tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do cha mẹ bà già yếu bà phải về nhà để chăm sóc cha mẹ già, nhưng ông T không đồng ý. Bà và ông T gây gổ, cãi vã với nhau bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân bà có nộp đơn ly hôn với ông T nhưng ông T không đồng ý và mong được hàn gắn nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về ông T không có gì thay đổi. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 người con chung tên Trần Lâm Gia Đại, sinh ngày: 23/10/2017. Hiện tại cháu Đại đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao được sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đại, yêu cầu ông T cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, cho đến khi cháu Đại thành niên.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Quan T đối với **bà Lâm Thị D**. Ông T được ly hôn với bà D.

Về con chung: Về con chung: Giao cháu Trần Lâm Gia Đại, sinh ngày 23/10/2017, cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần theo yêu cầu của bà D. Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đại cho đến khi cháu trưởng thành có khả năng lao động và sinh sống được. Mức cấp dưỡng tính theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T, bà D không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: ông Trần Quan T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Trần Quan T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị D, bà D có địa chỉ cư trú tại: ấp Cẩm Thắng, xã Thạnh Đức, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: ông T và bà D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 0138/2016, ngày 26/12/2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau. Qua làm việc ông T, bà D đều thống nhất, vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân thời gian đã 05 năm. Bà D không mong muốn được hàn gắn gia đình, bà đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy, hôn nhân giữa ông T với bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không mong muốn hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: ông T và bà D có 01 con chung tên Trần Lâm Gia Đại, sinh ngày: 23/10/2017. Hiện tại cháu Đại đang sống chung với bà D. Theo nguyện vọng của cháu Đại và bà D, giao cháu Đại cho bà D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện tại cháu Trần Lâm Gia Đại đang đi học tiểu học và được bà D trực tiếp nuôi dưỡng nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông T, bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: ông Trần Quan T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà Lâm Thị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quan T đối với bà Lâm Thị D. Ông T được ly hôn với bà D.

2. Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung tên Trần Lâm Gia Đại, sinh ngày: 23/10/2017. **Giao con chung Trần Lâm Gia Đại cho bà D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.**

Buộc ông Trần Quang T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng đối với cháu Trần Lâm Gia Đại. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đại thành niên.

3. Về tài sản chung: ông T, bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: ông T, bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: ông Trần Quan T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0008707 ngày 21/10/2025 của Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 12 – Tây Ninh ;
- UBND P Hưng Thuận, tỉnh Tây Ninh (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm